

Số: 31/2026/TT-BCA

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2026

THÔNG TƯ**Quy định về mẫu con dấu
của cơ quan, tổ chức và chức danh nhà nước**

Căn cứ Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2023 và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2026;

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 11/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về mẫu con dấu của cơ quan, tổ chức và chức danh nhà nước.

Chương I**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này quy định về mẫu con dấu của cơ quan, tổ chức và chức danh nhà nước quy định tại Điều 7 và Điều 8 Nghị định số 99/2016/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2023 và Nghị định số 58/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 02 năm 2026 (sau đây viết gọn là Nghị định số 99/2016/NĐ-CP).

2. Thông tư này không điều chỉnh đối với mẫu con dấu của:

- Cơ quan thuộc hệ thống tổ chức của Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Cơ quan, đơn vị các cấp trong Quân đội nhân dân Việt Nam (trừ con dấu có hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam);
- Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đăng ký, hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư và Luật Hợp tác xã;
- Cơ quan đại diện ngoại giao của nước ngoài tại Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với:

- Sĩ quan, hạ sĩ quan Công an nhân dân được giao nhiệm vụ thực hiện công tác đăng ký, quản lý con dấu.

2. Công an các đơn vị, địa phương.
3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc sản xuất, quản lý và sử dụng con dấu.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Mục 1

HÌNH THỂ, KÍCH THƯỚC, NỘI DUNG CON DẤU

Điều 3. Hình thể con dấu

1. Con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước quy định tại Thông tư này là hình tròn.

2. Con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước (trừ con dấu quy định tại khoản 3 Điều này) được tạo bởi ba đường tròn đồng tâm theo thứ tự từ ngoài vào trong như sau:

a) Đường chỉ của đường tròn bên ngoài nét đậm 0,5mm, đường chỉ của đường tròn ở giữa và đường chỉ của đường tròn bên trong nét nhỏ bằng 0,3mm. Con dấu của Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng bầu cử Quốc gia, Hội đồng Quốc phòng và An ninh thì đường chỉ của đường tròn bên ngoài là hình răng cưa nét đậm bằng 0,8mm;

b) Khoảng cách giữa đường chỉ của đường tròn bên ngoài và đường chỉ của đường tròn ở giữa là 1mm. Khoảng cách giữa đường chỉ của đường tròn ở giữa và đường chỉ của đường tròn bên trong như sau: Loại con dấu có đường kính từ 38mm đến 42mm là 6mm, đường kính từ 35mm đến 37mm là 5mm, đường kính từ 30mm đến 34mm là 4mm; con dấu của Tổng Lãnh sự danh dự, Lãnh sự danh dự là 8mm.

3. Con dấu của tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ được tạo bởi hai đường tròn đồng tâm theo thứ tự từ ngoài vào trong như sau:

a) Đường chỉ của đường tròn bên ngoài có nét đậm 0,5mm, đường chỉ của đường tròn bên trong có nét nhỏ bằng 0,3mm;

b) Khoảng cách giữa đường chỉ của đường tròn bên ngoài và đường chỉ của đường tròn bên trong như sau: Loại con dấu có đường kính từ 35mm đến 37mm là 5mm, đường kính từ 30mm đến 34mm là 4mm.

Điều 4. Kích thước con dấu

1. Kích thước dấu ướt, dấu nổi, dấu xi của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước được quy định cụ thể từ Điều 6 đến Điều 13 và từ Điều 15 đến Điều 42 Thông tư này.

2. Kích thước dấu thu nhỏ: Dấu ướt thu nhỏ có đường kính 23mm, dấu nổi thu nhỏ có đường kính 21mm. Dấu thu nhỏ của cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài và cơ quan Công an có thẩm quyền cấp hộ chiếu, visa có đường kính 20mm.

Điều 5. Nội dung thông tin trong con dấu

1. Chữ trong con dấu là chữ in hoa có đầy đủ dấu. Con dấu của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 6 Thông tư này là chữ in hoa loại chữ có chân.

2. Tên cơ quan, tổ chức trong con dấu phải theo đúng tên đã được ghi trong quyết định thành lập, giấy đăng ký hoạt động, giấy phép hoạt động, quyết định công nhận tổ chức hoặc văn bản quy định về tổ chức, hoạt động của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật (trừ các dấu ngắt câu như dấu phẩy, chấm phẩy, hai chấm, gạch ngang).

3. Nội dung trong con dấu có nhiều chữ thì được viết tắt nhưng phải dễ hiểu và phải được thống nhất giữa cơ quan, tổ chức sử dụng con dấu và cơ quan đăng ký mẫu con dấu.

4. Loại con dấu ở vành ngoài phía trên có hàng chữ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được viết tắt là Cộng hòa X.H.C.N Việt Nam, con dấu của cơ quan đại diện của Việt Nam ở nước ngoài được viết tắt là C.H.X.H.C.N Việt Nam; con dấu của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp thì được viết tắt là H.Đ.N.D và U.B.N.D.

5. Ngôi sao phân cách trong con dấu

a) Loại con dấu chỉ có nội dung ở xung quanh vành ngoài con dấu thì chính giữa phía dưới vành ngoài con dấu có một ngôi sao năm cánh;

b) Loại con dấu có nội dung ở vành ngoài phía trên và vành ngoài phía dưới con dấu thì có hai ngôi sao năm cánh ở giữa khoảng phân cách của vành ngoài phía trên và vành ngoài phía dưới con dấu.

6. Biểu tượng của cơ quan, tổ chức có trong con dấu thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định số 99/2016/NĐ-CP.

7. Địa danh ở vành ngoài phía dưới con dấu là nơi cơ quan, tổ chức đặt trụ sở chính.

Mục 2

MẪU CON DẤU CÓ HÌNH QUỐC HUY

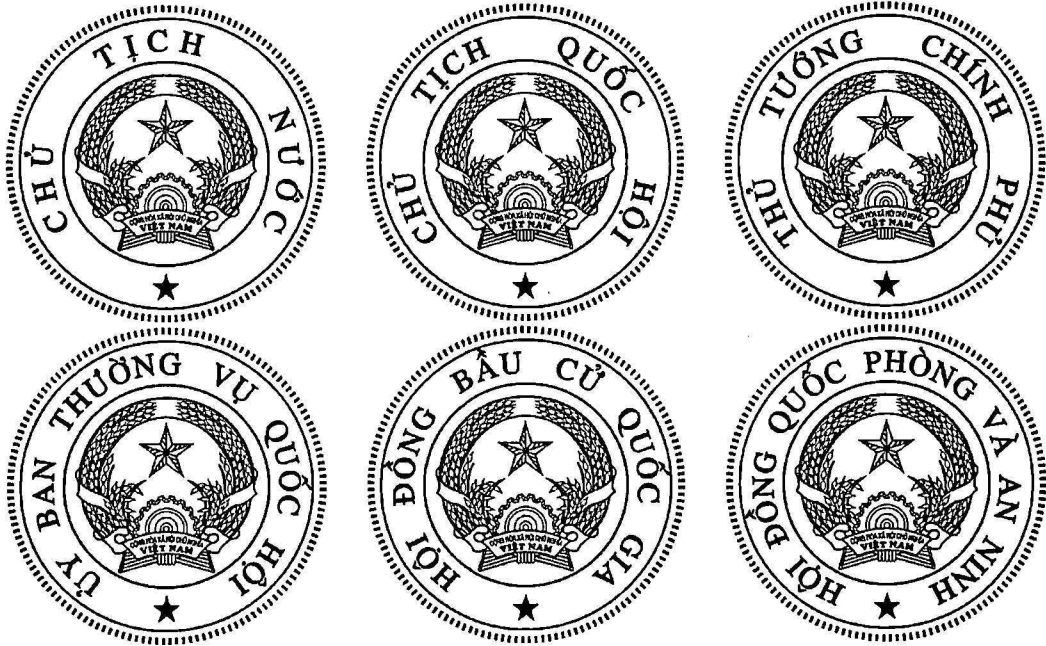
Điều 6. Mẫu con dấu có hình Quốc huy của cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước ở trung ương

1. Con dấu của Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội, Hội đồng bầu cử Quốc gia, Hội đồng Quốc phòng và An ninh

Đường kính: 42mm;

Vành ngoài con dấu: Tên cơ quan sử dụng con dấu hoặc chức danh nhà nước;

Giữa con dấu: Hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.



Mẫu số 1

2. Con dấu của Quốc hội, Chính phủ nước Cộng hòa X.H.C.N Việt Nam
Đường kính: 40mm;

Vành ngoài con dấu: Quốc hội nước Cộng hòa X.H.C.N Việt Nam hoặc Chính phủ nước Cộng hòa X.H.C.N Việt Nam;

Giữa con dấu: Hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.



Mẫu số 2

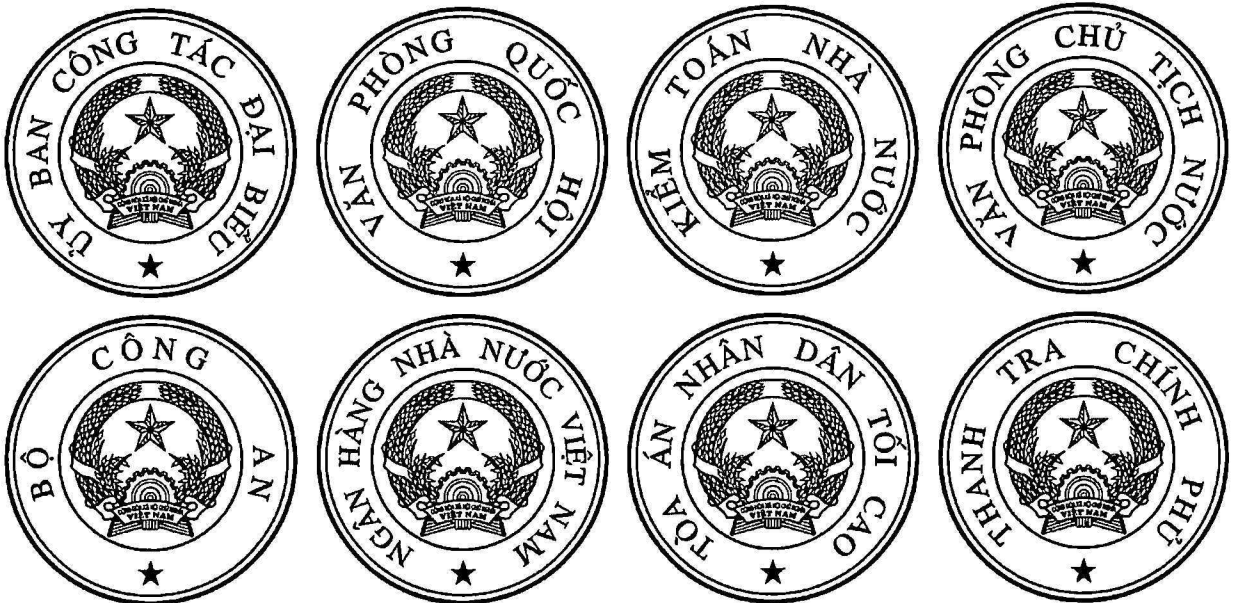
3. Con dấu của Tổng thư ký Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các ủy ban của Quốc hội, cơ quan của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Văn phòng Quốc hội, Kiểm toán nhà nước, Văn phòng Chủ tịch nước, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao

Đường kính: 38mm;

Vành ngoài con dấu: Tên cơ quan sử dụng con dấu hoặc Tổng thư ký Quốc hội;

Giữa con dấu: Hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.





Mẫu số 3

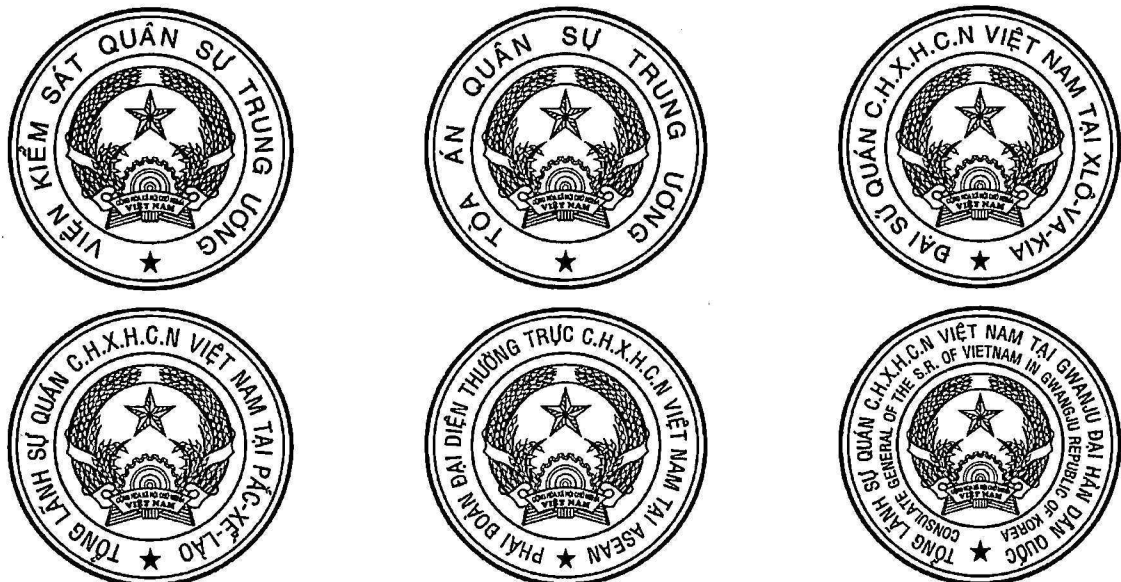
4. Con dấu của Tòa án quân sự trung ương, Viện Kiểm sát quân sự trung ương, Đại sứ quán, Tổng Lãnh sự quán, Lãnh sự quán, Tổng Lãnh sự danh dự, Lãnh sự danh dự, Phái đoàn thường trực, Phái đoàn, Phái đoàn quan sát viên thường trực và cơ quan có tên gọi khác thực hiện chức năng đại diện của Nhà nước Việt Nam tại tổ chức quốc tế liên Chính phủ hoặc tại vùng lãnh thổ nước ngoài

Đường kính: 37mm;

Vành ngoài con dấu: Tên cơ quan sử dụng con dấu;

Đối với con dấu của Tổng Lãnh sự danh dự, Lãnh sự danh dự thì tên cơ quan sử dụng con dấu là chữ song ngữ Việt - Anh;

Giữa con dấu: Hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.



Mẫu số 4

5. Con dấu của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao, Viện Công tố và Kiểm sát xét xử phúc thẩm Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án quân sự quân khu và tương đương; Viện Kiểm sát quân sự quân khu và tương đương; cơ quan

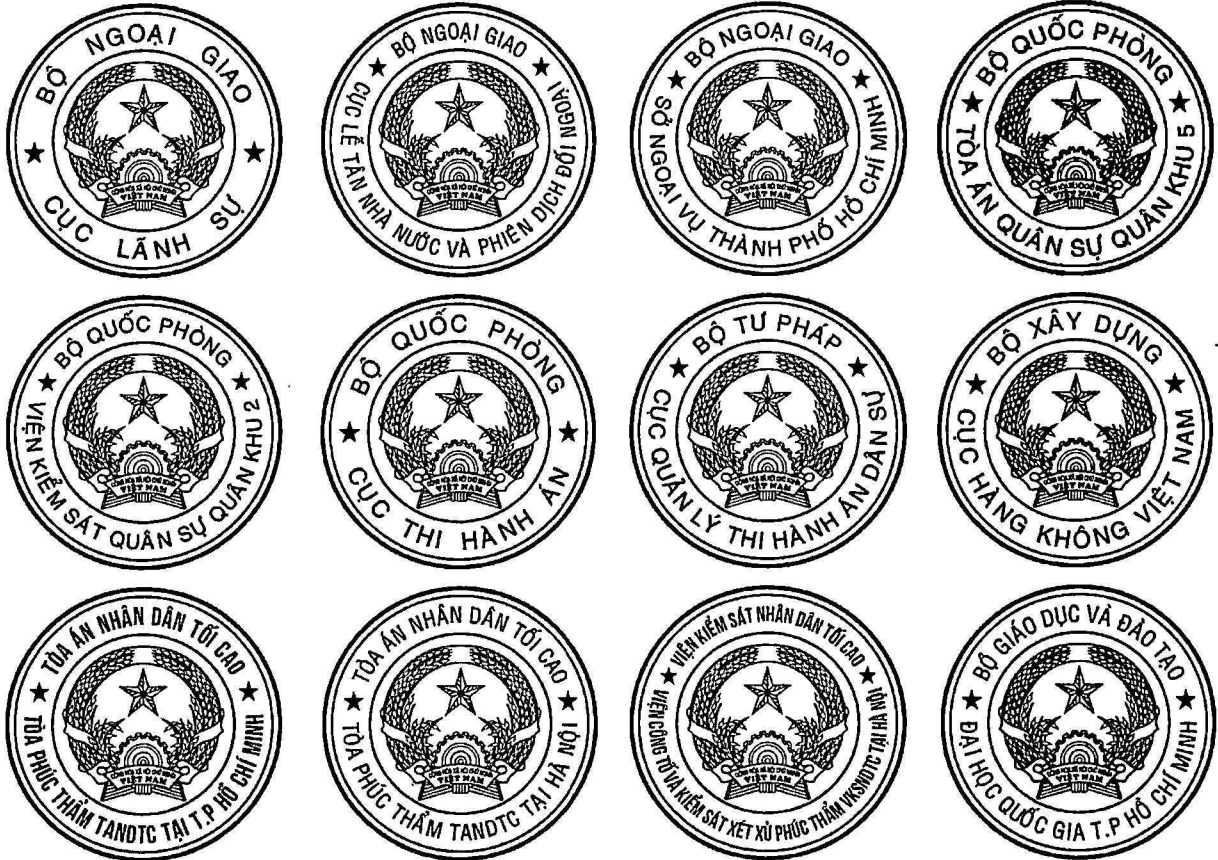
quản lý thi hành án thuộc Bộ Quốc phòng; cơ quan quản lý thi hành án dân sự thuộc Bộ Tư pháp; Cục Lãnh sự, Cục Lễ tân Nhà nước và Phiên dịch đối ngoại, Sở Ngoại vụ thành phố Hồ Chí Minh trực thuộc Bộ Ngoại giao; cơ quan khác trực thuộc Bộ

Đường kính: 36mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Tên cơ quan quản lý trực tiếp;

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cơ quan sử dụng con dấu;

Giữa con dấu: Hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.



Mẫu số 5

6. Con dấu của Tòa án quân sự khu vực, Viện Kiểm sát quân sự khu vực, cơ quan thi hành án dân sự cấp tỉnh, cơ quan thi hành án quân khu và tương đương, Phòng Lãnh sự thuộc Đại sứ quán

Đường kính: 35mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Tên cơ quan quản lý trực tiếp;

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cơ quan sử dụng con dấu;

Giữa con dấu: Hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.



Mẫu số 6

Điều 7. Mẫu con dấu có hình Quốc huy của cơ quan, tổ chức ở địa phương

1. Con dấu của Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân cấp tỉnh

Đường kính: 37mm;

Xung quanh vành ngoài con dấu: Tên cơ quan sử dụng con dấu;

Giữa con dấu: Hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.



Mẫu số 7

2. Con dấu của cơ quan, tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Đường kính: 36mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Tên U.B.N.D cấp tỉnh;

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cơ quan, tổ chức sử dụng con dấu;

Giữa con dấu: Hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.



Mẫu số 8

3. Con dấu của Tòa án nhân dân khu vực, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực

Đường kính: 36mm;

Xung quanh vành ngoài con dấu: Tên cơ quan sử dụng con dấu kèm theo tên cấp tỉnh;

Giữa con dấu: Hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.



Mẫu số 9

4. Con dấu của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp xã
Đường kính: 36mm;

Xung quanh vành ngoài con dấu: Tên cơ quan sử dụng con dấu kèm theo tên cấp tỉnh;

Giữa con dấu: Hình Quốc huy nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.



Mẫu số 10

Mục 3

MẪU CON DẤU CỦA CƠ QUAN CÓ CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, CƠ QUAN CHUYÊN MÔN, TỔ CHỨC SỰ NGHIỆP

Điều 8. Mẫu con dấu của tổ chức do Chính phủ quản lý

Đường kính: 38mm;

Xung quanh vành ngoài con dấu: Chính phủ nước Cộng hòa X.H.C.N Việt Nam;

Giữa con dấu: Tên tổ chức sử dụng con dấu.



Mẫu số 11

Điều 9. Mẫu con dấu của cơ quan có chức năng quản lý nhà nước thuộc cơ quan trung ương

1. Con dấu của cơ quan trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Văn phòng Quốc hội, Kiểm toán Nhà nước

Đường kính: 36mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Cộng hòa X.H.C.N Việt Nam;

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cơ quan quản lý trực tiếp;

Giữa con dấu: Tên cơ quan sử dụng con dấu;

Trường hợp con dấu có hình biểu tượng ở giữa con dấu thì vành ngoài phía dưới con dấu là tên cơ quan sử dụng con dấu.



Mẫu số 12

2. Con dấu của cơ quan trực thuộc Cục

Đường kính: 34mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Cộng hòa X.H.C.N Việt Nam;

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cơ quan quản lý trực tiếp;

Giữa con dấu: Tên cơ quan sử dụng con dấu.



Mẫu số 13

3. Mẫu con dấu của cơ quan có chức năng quản lý nhà nước thuộc cơ quan trung ương do hai cấp quản lý

Đường kính: 32mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Cộng hòa X.H.C.N Việt Nam;

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cơ quan quản lý trực tiếp;

Giữa con dấu: Tên cơ quan sử dụng con dấu.



Mẫu số 14

Điều 10. Mẫu con dấu của cơ quan chuyên môn thuộc địa phương

1. Con dấu của Văn phòng Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

Đường kính: 34mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Cộng hòa X.H.C.N Việt Nam;

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cấp tỉnh;

Giữa con dấu: Văn phòng Hội đồng nhân dân.



Mẫu số 15

2. Con dấu của cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Đường kính: 34mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Cộng hòa X.H.C.N Việt Nam;

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cấp tỉnh;

Giữa con dấu: Tên cơ quan sử dụng con dấu;

Trường hợp con dấu có hình biểu tượng ở giữa con dấu thì vành ngoài phía dưới con dấu là tên cơ quan sử dụng con dấu.



Mẫu số 16

3. Mẫu con dấu của cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã

Đường kính: 32mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Cộng hòa X.H.C.N Việt Nam;

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cấp xã kèm tên cấp tỉnh;

Giữa con dấu: Tên cơ quan sử dụng con dấu.



Mẫu số 17

4. Con dấu của cơ quan trực thuộc cơ quan chuyên môn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý

a) Con dấu của cơ quan do một cấp quản lý

Đường kính: 32mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Cộng hòa X.H.C.N Việt Nam;

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cơ quan quản lý trực tiếp;

Giữa con dấu: Tên cơ quan sử dụng con dấu;



Mẫu số 18

b) Con dấu của cơ quan do hai cấp quản lý

Đường kính: 30mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Cộng hòa X.H.C.N Việt Nam;

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cơ quan quản lý trực tiếp;

Giữa con dấu: Tên cơ quan sử dụng con dấu.



Mẫu số 19

Điều 11. Mẫu con dấu của tổ chức sự nghiệp thuộc cơ quan trung ương

1. Con dấu của tổ chức sự nghiệp trực thuộc bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Văn phòng Quốc hội, Kiểm toán nhà nước

a) Con dấu của tổ chức do một cấp quản lý

Đường kính: 36mm;

Vành ngoài con dấu: Tên cơ quan quản lý trực tiếp. Đối với con dấu của tổ chức sự nghiệp ngoài công lập thì vành ngoài con dấu là tên cơ quan có chức năng quản lý nhà nước trực tiếp;

Giữa con dấu: Tên tổ chức sử dụng con dấu.

Trường hợp con dấu có hình biểu tượng ở giữa con dấu thì vành ngoài phía trên con dấu là tên cơ quan quản lý trực tiếp, vành ngoài phía dưới con dấu là tên tổ chức sử dụng con dấu.



Mẫu số 20

b) Con dấu của tổ chức do hai cấp quản lý

Đường kính: 34mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Tên cơ quan cấp trên quản lý;

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên tổ chức quản lý trực tiếp;

Giữa con dấu: Tên tổ chức sử dụng con dấu.



Mẫu số 21

2. Con dấu của tổ chức trực thuộc Cục và tương đương

a) Con dấu của tổ chức do một cấp quản lý

Đường kính: 34mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Tên cơ quan cấp trên quản lý;

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên tổ chức quản lý trực tiếp;

Giữa con dấu: Tên tổ chức sử dụng con dấu.



Mẫu số 22

b) Con dấu của tổ chức do hai cấp quản lý

Đường kính: 32mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Tên cơ quan cấp trên quản lý;

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên tổ chức quản lý trực tiếp;

Giữa con dấu: Tên tổ chức sử dụng con dấu.



Mẫu số 23

c) Con dấu của đơn vị trực thuộc tổ chức do hai cấp quản lý

Đường kính: 30mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Tên cơ quan cấp trên quản lý;

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên tổ chức quản lý trực tiếp;

Giữa con dấu: Tên tổ chức sử dụng con dấu.



Mẫu số 24

Điều 12. Mẫu con dấu của tổ chức sự nghiệp thuộc địa phương

1. Con dấu của tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

Đường kính: 34mm;

Vành ngoài con dấu: Tên Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

Giữa con dấu: Tên tổ chức sử dụng con dấu.



Mẫu số 25

2. Con dấu của tổ chức trực thuộc cơ quan chuyên môn, tổ chức sự nghiệp cấp tỉnh và tương đương

a) Con dấu của tổ chức do một cấp quản lý

Đường kính: 32mm;

Vành ngoài con dấu: Tên cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp. Đối với con dấu của tổ chức sự nghiệp ngoài công lập thì vành ngoài con dấu là tên cơ quan quản lý nhà nước trực tiếp;

Giữa con dấu: Tên tổ chức sử dụng con dấu.



Mẫu số 26

b) Con dấu của tổ chức do hai cấp quản lý

Đường kính: 30mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Tên cơ quan, tổ chức cấp trên quản lý;

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp;

Giữa con dấu: Tên tổ chức sử dụng con dấu.



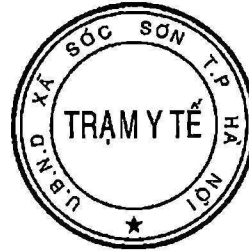
Mẫu số 27

3. Con dấu của tổ chức trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã

Đường kính: 32mm;

Vành ngoài con dấu: Tên U.B.N.D cấp xã kèm theo tên cấp tỉnh;

Giữa con dấu: Tên tổ chức sử dụng con dấu.



Mẫu số 28

4. Con dấu của tổ chức trực thuộc tổ chức sự nghiệp cấp xã

Đường kính: 30mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Tên U.B.N.D cấp xã kèm theo tên cấp tỉnh;

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên tổ chức quản lý trực tiếp;

Giữa con dấu: Tên tổ chức sử dụng con dấu.



Mẫu số 29

Mục 4

MẪU CON DẤU CỦA TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI

Điều 13. Mẫu con dấu của tổ chức nước ngoài không có chức năng ngoại giao hoạt động hợp pháp tại Việt Nam

Đường kính: 36mm;

Vành ngoài con dấu: Tên tổ chức nước ngoài kèm theo tên Quốc gia;

Giữa con dấu: Tên tổ chức sử dụng con dấu.



Mẫu số 30

Điều 14. Mẫu con dấu của tổ chức nước ngoài mang con dấu vào Việt Nam để sử dụng

Con dấu của tổ chức nước ngoài không có chức năng ngoại giao mang vào Việt Nam để sử dụng phải đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 99/2016/NĐ-CP.

Mục 5

**MẪU CON DẤU CỦA MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM,
TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI**

Điều 15. Mẫu con dấu của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

1. Con dấu của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp trung ương
Đường kính: 38mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

Vành ngoài phía dưới con dấu: Ủy ban Trung ương;

Giữa con dấu: Biểu tượng của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.



Mẫu số 31

2. Con dấu của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh

Đường kính: 34mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh;

Giữa con dấu: Biểu tượng của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.



Mẫu số 32

3. Con dấu của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã

Đường kính: 32mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Tên Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh;

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp xã;
Giữa con dấu: Biểu tượng của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.



Mẫu số 33

Điều 16. Mẫu con dấu của Công đoàn Việt Nam

1. Con dấu của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

Đường kính: 38mm;

Vành ngoài con dấu: Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam;

Giữa con dấu: Ban chấp hành Trung ương.



Mẫu số 34

2. Con dấu của Liên đoàn Lao động cấp tỉnh, Công đoàn ngành trung ương, Công đoàn Tập đoàn hoặc Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

a) Con dấu của Liên đoàn Lao động cấp tỉnh

Đường kính: 34mm;

Vành ngoài con dấu: Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam;

Giữa con dấu: Tên Ban chấp hành Liên đoàn Lao động cấp tỉnh.



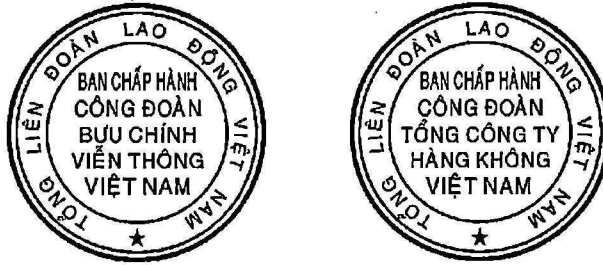
Mẫu số 35

b) Con dấu của Công đoàn ngành trung ương, Tập đoàn hoặc Tổng công ty trực thuộc Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

Đường kính: 34mm;

Vành ngoài con dấu: Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam;

Giữa con dấu: Tên Ban chấp hành Công đoàn sử dụng con dấu.

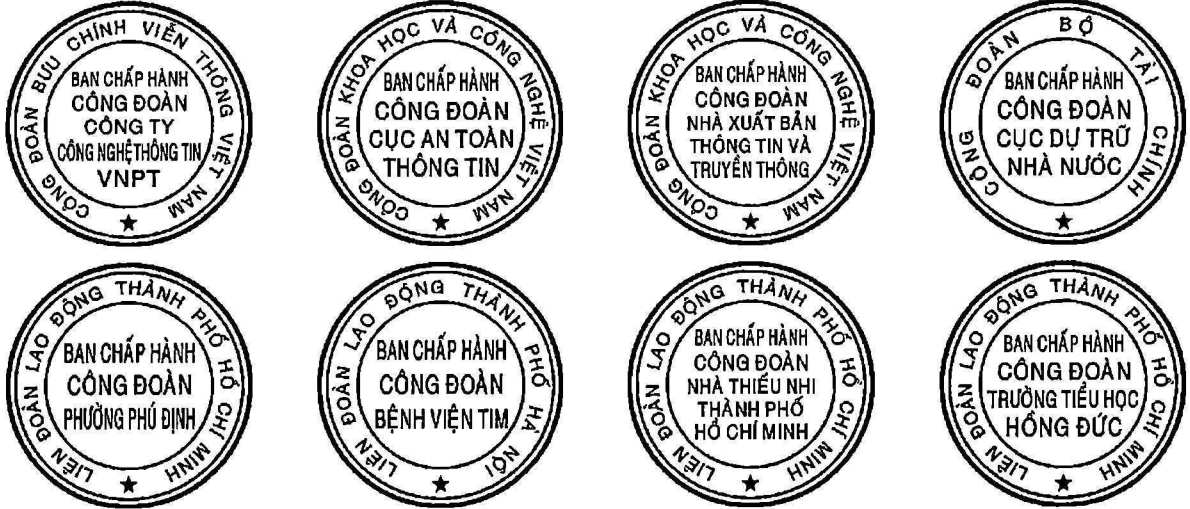


Mẫu số 36

3. Con dấu của Công đoàn cơ sở, Công đoàn cơ sở thành viên, Nghiệp đoàn
Đường kính: 32mm;

Vành ngoài con dấu: Tên Công đoàn cấp trên trực tiếp;

Giữa con dấu: Tên Ban chấp hành Công đoàn hoặc tên Ban chấp hành Nghiệp đoàn.



Mẫu số 37

4. Con dấu của Công đoàn trong Công an nhân dân

a) Con dấu của Ban Công đoàn Công an nhân dân

Đường kính: 34mm;

Vành ngoài con dấu: Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam;

Giữa con dấu: Ban Công đoàn Công an nhân dân.



Mẫu số 38

b) Con dấu của Ban Công đoàn Công an tỉnh, thành phố và tương đương
Đường kính: 32mm;

Vành ngoài con dấu: Công đoàn Công an nhân dân;
Giữa con dấu: Tên Ban Công đoàn tỉnh, thành phố hoặc tương đương.



Mẫu số 39

c) Con dấu của Công đoàn cơ sở

Đường kính: 32mm;

Vành ngoài con dấu: Công đoàn Công an nhân dân;

Giữa con dấu: Tên Ban chấp hành Công đoàn cơ sở.



Mẫu số 40

Điều 17. Mẫu con dấu của Hội Nông dân Việt Nam

1. Con dấu của Hội Nông dân Việt Nam

Đường kính: 38mm;

Vành ngoài con dấu: Hội Nông dân Việt Nam;

Giữa con dấu: Ban chấp hành Trung ương.



Mẫu số 41

2. Con dấu của Hội Nông dân cấp tỉnh

Đường kính: 34mm;

Vành ngoài con dấu: Hội Nông dân Việt Nam;

Giữa con dấu: Tên Ban chấp hành Hội Nông dân cấp tỉnh.



Mẫu số 42

3. Con dấu của Hội Nông dân cấp xã

Đường kính: 32mm;

Vành ngoài con dấu: Tên Hội Nông dân cấp tỉnh;

Giữa con dấu: Tên Ban chấp hành Hội Nông dân cấp xã.

**Mẫu số 43****Điều 18. Mẫu con dấu của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh**

1. Con dấu của Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh

Đường kính: 38mm;

Vành ngoài con dấu: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

Giữa con dấu: Ban chấp hành Trung ương.

**Mẫu số 44**

2. Con dấu của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trực thuộc Trung ương Đoàn

a) Con dấu của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh, thành phố

Đường kính: 34mm;

Vành ngoài con dấu: Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

Giữa con dấu: Tên Ban chấp hành Đoàn Thanh niên tỉnh, thành phố.

**Mẫu số 45**

b) Con dấu của Đoàn Thanh niên các cơ quan Đảng Trung ương, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương

Đường kính: 34mm;

Vành ngoài con dấu: Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

Giữa con dấu: Tên Ban chấp hành Đoàn Thanh niên sử dụng con dấu.



Mẫu số 46

3. Con dấu của Đoàn Thanh niên cấp trên trực tiếp cơ sở

Đường kính: 32mm;

Vành ngoài con dấu: Tên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cấp trên trực tiếp;

Giữa con dấu: Tên Ban chấp hành Đoàn Thanh niên sử dụng con dấu.



Mẫu số 47

4. Con dấu của Đoàn Thanh niên cơ sở, Chi đoàn Thanh niên cơ sở các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp

Đường kính: 30mm;

Vành ngoài con dấu: Tên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cấp trên trực tiếp;

Giữa con dấu: Tên Ban chấp hành Đoàn Thanh niên, Chi đoàn Thanh niên sử dụng con dấu.



**Mẫu số 48**

5. Con dấu của Đoàn Thanh niên trong Công an nhân dân

a) Con dấu của Ban Thanh niên Công an nhân dân

Đường kính: 34mm;

Vành ngoài con dấu: Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;

Giữa con dấu: Ban Thanh niên Công an nhân dân.

**Mẫu số 49**

b) Con dấu của Ban Thanh niên Công an tỉnh, thành phố và tương đương

Đường kính: 32mm;

Vành ngoài con dấu: Tên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cấp trên trực tiếp;

Giữa con dấu: Tên Ban Thanh niên Công an tỉnh, thành phố hoặc tương đương.

**Mẫu số 50**

c) Con dấu của Đoàn cơ sở, Chi đoàn cơ sở

Đường kính: 30mm;

Vành ngoài con dấu: Tên Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cấp trên trực tiếp;

Giữa con dấu: Tên Ban chấp hành Đoàn Thanh niên, Chi đoàn Thanh niên sử dụng con dấu.

**Mẫu số 51**

Điều 19. Mẫu con dấu của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

1. Con dấu của Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

Đường kính: 38mm;

Vành ngoài con dấu: Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;

Giữa con dấu: Ban chấp hành Trung ương.



Mẫu số 52

2. Con dấu của Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp tỉnh

Đường kính: 34mm;

Vành ngoài con dấu: Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;

Giữa con dấu: Tên Ban chấp hành Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp tỉnh.



Mẫu số 53

3. Con dấu của Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp xã

Đường kính: 32mm;

Xung quanh vành ngoài con dấu: Tên Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp tỉnh;

Giữa con dấu: Tên Ban chấp hành Hội Liên hiệp Phụ nữ cấp xã.



Mẫu số 54

4. Con dấu của Hội Phụ nữ trong Công an nhân dân

a) Con dấu của Ban Phụ nữ Công an nhân dân

Đường kính: 34mm;

Vành ngoài con dấu: Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;

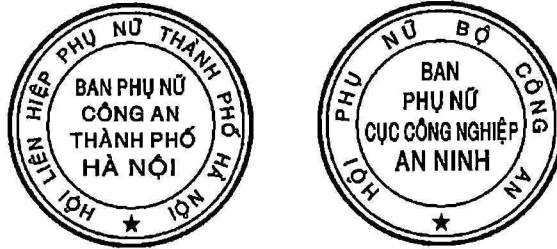
Giữa con dấu: Ban Phụ nữ Công an nhân dân.

**Mẫu số 55**

b) Con dấu của Ban Phụ nữ Công an tỉnh, thành phố và tương đương
Đường kính: 32mm;

Vành ngoài con dấu: Tên Hội phụ nữ cấp trên trực tiếp;

Giữa con dấu: Tên Ban phụ nữ Công an tỉnh, thành phố hoặc tương đương.

**Mẫu số 56**

c) Con dấu của Hội phụ nữ cấp cơ sở

Đường kính: 32mm;

Vành ngoài con dấu: Tên Hội phụ nữ cấp trên trực tiếp;

Giữa con dấu: Tên Ban chấp hành Hội phụ nữ sử dụng con dấu.

**Mẫu số 57**

Điều 20. Mẫu con dấu của Hội Cựu chiến binh Việt Nam

1. Con dấu của Hội Cựu chiến binh Việt Nam

Đường kính: 38mm;

Vành ngoài con dấu: Hội Cựu chiến binh Việt Nam;

Giữa con dấu: Ban chấp hành trung ương.

**Mẫu số 58**

2. Con dấu của Hội Cựu chiến binh tỉnh, thành phố và tương đương

a) Con dấu của Hội Cựu chiến binh tỉnh, thành phố

Đường kính: 34mm;

Vành ngoài con dấu: Hội Cựu chiến binh Việt Nam;

Giữa con dấu: Tên Ban chấp hành Hội Cựu chiến binh tỉnh, thành phố.



Mẫu số 59

b) Con dấu của Hội Cựu chiến binh trong các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trực thuộc Hội Cựu chiến binh Việt Nam

Đường kính: 34mm;

Vành ngoài con dấu: Hội Cựu chiến binh Việt Nam;

Giữa con dấu: Tên Ban chấp hành Hội Cựu chiến binh sử dụng con dấu.



Mẫu số 60

3. Con dấu của Hội Cựu chiến binh cấp xã và tương đương

a) Con dấu của Hội Cựu chiến binh cấp xã

Đường kính: 32mm;

Vành ngoài con dấu: Tên Hội Cựu chiến binh cấp tỉnh;

Giữa con dấu: Tên Ban chấp hành Hội Cựu chiến binh cấp xã.



Mẫu số 61

b) Con dấu của Hội Cựu chiến binh trong các tổ chức, doanh nghiệp trực thuộc Hội Cựu chiến binh Việt Nam cấp tỉnh và tương đương

Đường kính: 32mm;

Vành ngoài con dấu: Tên Hội Cựu chiến binh quản lý trực tiếp;

Giữa con dấu: Tên Ban chấp hành Hội Cựu chiến binh sử dụng con dấu.



Mẫu số 62

Điều 21. Mẫu con dấu của tổ chức trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội

1. Con dấu của tổ chức trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội cấp trung ương

a) Con dấu của tổ chức do một cấp quản lý

Đường kính: 34mm;

Vành ngoài con dấu: Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc tên tổ chức chính trị - xã hội cấp trung ương;

Giữa con dấu: Tên tổ chức sử dụng con dấu.



Mẫu số 63

b) Con dấu của tổ chức do hai cấp quản lý

Đường kính: 32mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc tên tổ chức chính trị - xã hội cấp trung ương;

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên tổ chức quản lý trực tiếp;

Giữa con dấu: Tên tổ chức sử dụng con dấu.



Mẫu số 64

2. Con dấu của tổ chức trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và tương đương

a) Con dấu của tổ chức do một cấp quản lý

Đường kính: 32mm;

Vành ngoài con dấu: Tên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc tên tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;

Giữa con dấu: Tên tổ chức sử dụng con dấu.



Mẫu số 65

b) Con dấu của tổ chức do hai cấp quản lý

Đường kính: 30mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Tên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên tổ chức quản lý trực tiếp;

Giữa con dấu: Tên tổ chức sử dụng con dấu.



Mẫu số 66

3. Con dấu của tổ chức trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội cấp xã

Đường kính: 30mm;

Vành ngoài con dấu: Tên Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hoặc tổ chức chính trị - xã hội cấp xã kèm theo tên cấp tỉnh;

Giữa con dấu: Tên tổ chức sử dụng con dấu.

**Mẫu số 67**

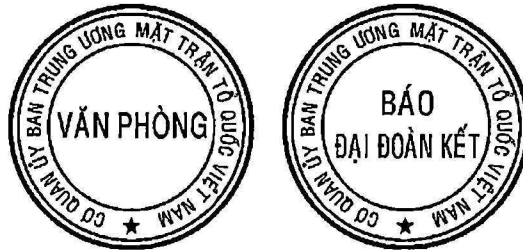
4. Con dấu của tổ chức trực thuộc Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp

a) Con dấu của tổ chức trực thuộc Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam do một cấp quản lý

Kích thước 32 mm;

Vành ngoài con dấu: Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

Giữa con dấu: Tên tổ chức sử dụng con dấu.

**Mẫu số 68**

b) Con dấu của tổ chức trực thuộc Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam do hai cấp quản lý

Kích thước 30 mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Cơ quan Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên tổ chức quản lý trực tiếp;

Giữa con dấu: Tên tổ chức sử dụng con dấu.

**Mẫu số 69**

c) Con dấu của tổ chức trực thuộc Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh

Kích thước: 30mm;

Vành ngoài con dấu: Cơ quan Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh;

Giữa dấu: Tên tổ chức sử dụng con dấu.



Mẫu số 70

Mục 6

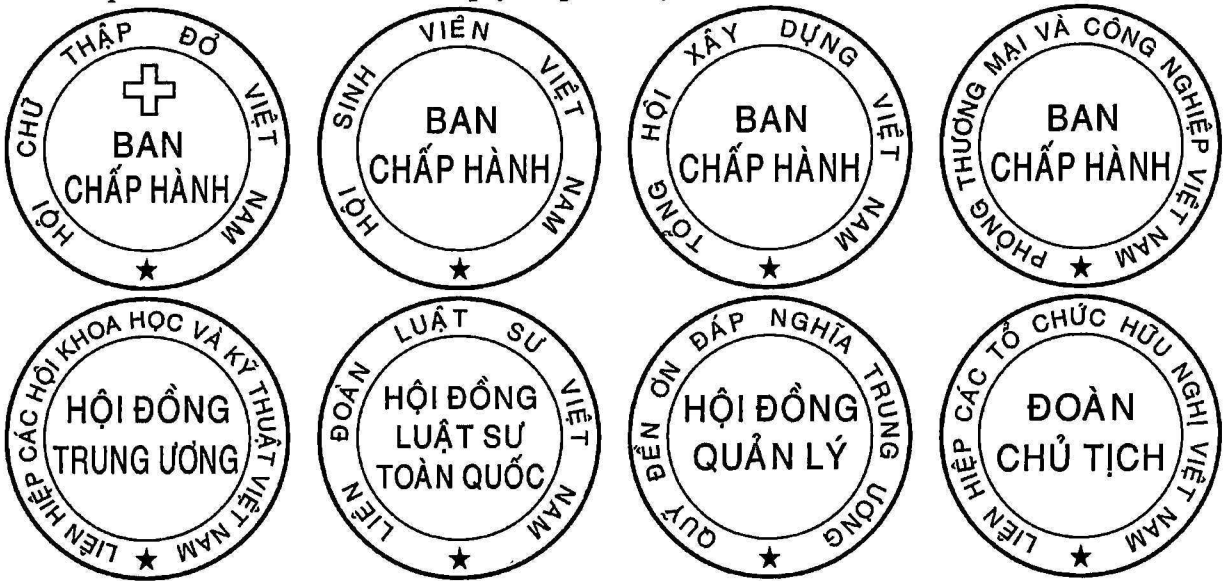
MẪU CON DẤU CỦA TỔ CHỨC HỘI, TỔ CHỨC PHI CHÍNH PHỦ

Điều 22. Mẫu con dấu của tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ có phạm vi hoạt động cả nước hoặc liên tỉnh

Đường kính: 37mm;

Vành ngoài con dấu: Tên tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ;

Giữa con dấu: Tên cơ quan lãnh đạo cao nhất theo quy định của Điều lệ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.



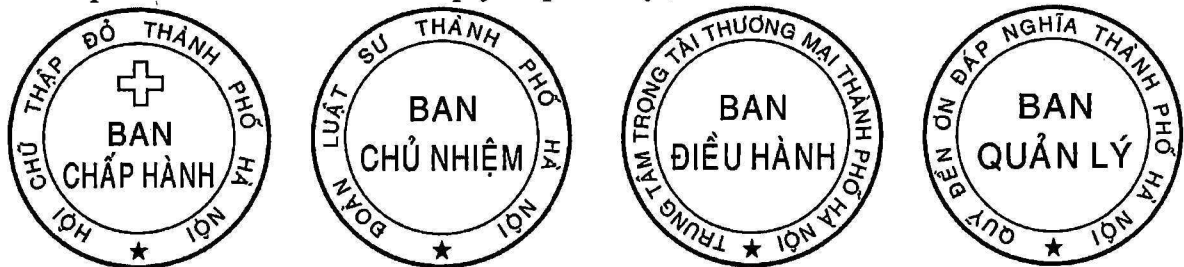
Mẫu số 71

Điều 23. Mẫu con dấu của tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ có phạm vi hoạt động trong tỉnh, thành phố

Đường kính: 34mm;

Vành ngoài con dấu: Tên tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ;

Giữa con dấu: Tên cơ quan lãnh đạo cao nhất theo quy định của Điều lệ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.



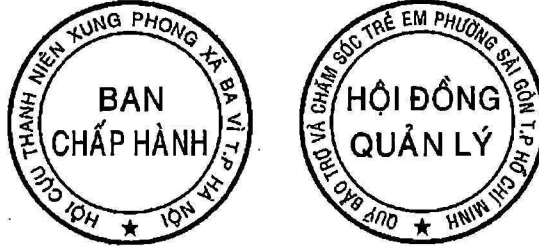
Mẫu số 72

Điều 24. Mẫu con dấu của tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ có phạm vi hoạt động trong xã, phường, đặc khu

Đường kính: 32mm;

Vành ngoài con dấu: Tên tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ kèm theo tên cấp tỉnh;

Giữa con dấu: Tên cơ quan lãnh đạo cao nhất theo quy định của Điều lệ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.



Mẫu số 73

Điều 25. Mẫu con dấu của tổ chức trực thuộc tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ có phạm vi hoạt động cả nước hoặc liên tỉnh

1. Con dấu của tổ chức do một cấp quản lý

Đường kính: 34mm;

Vành ngoài con dấu: Tên tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ;

Giữa con dấu: Tên tổ chức sử dụng con dấu.



Mẫu số 74

2. Con dấu của tổ chức do hai cấp quản lý

Đường kính: 32mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Tên tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ;

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên tổ chức quản lý trực tiếp;

Giữa con dấu: Tên tổ chức sử dụng con dấu.



Mẫu số 75

Điều 26. Mẫu con dấu của tổ chức trực thuộc tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ có phạm vi hoạt động trong tỉnh, thành phố

1. Con dấu của tổ chức do một cấp quản lý

Đường kính: 32mm;

Vành ngoài con dấu: Tên tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ;

Giữa con dấu: Tên tổ chức sử dụng con dấu.



Mẫu số 76

2. Con dấu của tổ chức do hai cấp quản lý

Đường kính: 30mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Tên tổ chức hội, tổ chức phi chính phủ;

Xung quanh vành ngoài phía dưới con dấu: Tên tổ chức quản lý trực tiếp;

Giữa con dấu: Tên tổ chức sử dụng con dấu.



Mẫu số 77

Mục 7

MẪU CON DẤU CỦA TỔ CHỨC KINH TẾ, TỔ CHỨC TÍN DỤNG, TỔ CHỨC TRỰC THUỘC DOANH NGHIỆP

Điều 27. Mẫu con dấu của tổ chức kinh tế được thành lập, hoạt động theo Luật công chứng, Luật giám định tư pháp

Đường kính: 36mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Số giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (S.Đ.K.H.Đ): số giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã được cấp, loại hình doanh nghiệp như: Doanh nghiệp tư nhân (D.N.T.N), công ty hợp danh (C.T.H.D);

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cấp xã kèm theo tên cấp tỉnh;

Giữa con dấu: Tên tổ chức sử dụng con dấu.



Mẫu số 78

Điều 28. Mẫu con dấu của tổ chức kinh tế được thành lập, hoạt động theo Luật luật sư

1. Con dấu của văn phòng luật sư, công ty luật

Đường kính: 36mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Số giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (S.Đ.K.H.Đ): số giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã được cấp, loại hình doanh nghiệp như: Công ty trách nhiệm hữu hạn (C.T.T.N.H.H), doanh nghiệp tư nhân (D.N.T.N), công ty hợp danh (C.T.H.D);

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cấp xã kèm theo tên cấp tỉnh;

Giữa con dấu: Tên tổ chức sử dụng con dấu.



Mẫu số 79

2. Con dấu của chi nhánh văn phòng luật sư, công ty luật

Đường kính: 34mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Số giấy chứng nhận đăng ký hoạt động (S.Đ.K.H.Đ): số giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đã được cấp, loại hình doanh nghiệp như: Công ty trách nhiệm hữu hạn (C.T.T.N.H.H), doanh nghiệp tư nhân (D.N.T.N), công ty hợp danh (C.T.H.D);

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cấp xã kèm theo tên cấp tỉnh;

Giữa con dấu: Tên tổ chức sử dụng con dấu.



Mẫu số 80

Điều 29. Mẫu con dấu của tổ chức kinh tế được thành lập, hoạt động theo Luật chứng khoán, Luật kinh doanh bảo hiểm

1. Con dấu của doanh nghiệp

Đường kính: 36mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Số giấy phép thành lập và hoạt động (S.G.P): số giấy phép thành lập đã được cấp, loại hình doanh nghiệp như: Công ty cổ phần (C.T.C.P), công ty trách nhiệm hữu hạn (C.T.T.N.H.H);

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cấp xã kèm theo tên cấp tỉnh;

Giữa con dấu: Tên tổ chức sử dụng con dấu.



Mẫu số 81

2. Con dấu của chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp

Đường kính: 34mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Số giấy phép thành lập và hoạt động (S.G.P): số giấy phép đã được cấp, tên loại hình doanh nghiệp như: Công ty cổ phần (C.T.C.P), công ty trách nhiệm hữu hạn (C.T.T.N.H.H);

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cấp xã kèm theo tên cấp tỉnh;

Giữa con dấu: Tên tổ chức sử dụng con dấu.



Mẫu số 82

Điều 30. Mẫu con dấu của Ngân hàng chính sách xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam

1. Con dấu của Ngân hàng chính sách xã hội và các tổ chức trực thuộc

a) Con dấu của Ngân hàng chính sách xã hội

Đường kính: 36mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Số Giấy chứng nhận đã được cấp (S.G.C.N) kèm theo tên loại hình tổ chức kinh tế ngân hàng chính sách xã hội (N.H.C.S.X.H);

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cấp xã kèm theo tên cấp tỉnh;

Giữa con dấu: Tên tổ chức sử dụng con dấu.



Mẫu số 83

b) Con dấu của chi nhánh, sở giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội

Đường kính: 34mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Số Giấy chứng nhận đã được cấp (S.G.C.N) kèm theo tên loại hình tổ chức kinh tế ngân hàng chính sách xã hội (N.H.C.S.X.H);

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cấp xã kèm theo tên cấp tỉnh;

Giữa con dấu: Tên tổ chức sử dụng con dấu.



Mẫu số 84

c) Con dấu của điểm kinh doanh ngân hàng chính sách xã hội

Đường kính: 32mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Số Giấy chứng nhận đã được cấp (S.G.C.N) kèm theo tên loại hình tổ chức kinh tế ngân hàng chính sách xã hội (N.H.C.S.X.H);

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cấp xã kèm theo tên cấp tỉnh;

Giữa con dấu: Tên tổ chức sử dụng con dấu.



Mẫu số 85

2. Con dấu của Ngân hàng Phát triển Việt Nam và các tổ chức trực thuộc

a) Con dấu của Ngân hàng Phát triển Việt Nam

Đường kính: 36mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Số Quyết định đã được cấp (S.Q.Đ) kèm theo tên loại hình tổ chức kinh tế ngân hàng phát triển Việt Nam (N.H.P.T.V.N);

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cấp xã kèm theo tên cấp tỉnh;

Giữa con dấu: Tên tổ chức sử dụng con dấu.



Mẫu số 86

b) Con dấu của chi nhánh, sở giao dịch thuộc Ngân hàng Phát triển Việt Nam

Đường kính: 34mm;

Vành ngoài con dấu: Ngân hàng Phát triển Việt Nam;

Giữa con dấu: Tên tổ chức sử dụng dấu.



Mẫu số 87

c) Con dấu của Phòng giao dịch thuộc Sở giao dịch, chi nhánh khu vực

Đường kính: 32mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Ngân hàng phát triển Việt Nam;

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên tổ chức quản lý trực tiếp;

Giữa con dấu: Tên tổ chức sử dụng con dấu.



Mẫu số 88

Điều 31. Mẫu con dấu của tổ chức trực thuộc doanh nghiệp, ngân hàng chính sách xã hội, Ngân hàng Phát triển Việt Nam

1. Con dấu của tổ chức do một cấp quản lý

Đường kính: 34mm;

Vành ngoài con dấu: Tên tổ chức quản lý trực tiếp;

Giữa con dấu: Tên tổ chức sử dụng dấu.



Mẫu số 89

2. Con dấu của tổ chức do hai cấp quản lý

Đường kính: 32mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Tên tổ chức cấp trên của tổ chức quản lý trực tiếp;

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên tổ chức quản lý trực tiếp;

Giữa con dấu: Tên tổ chức sử dụng dấu.



Mẫu số 90

Mục 8

MẪU CON DẤU CỦA TỔ CHỨC TƯ NHÂN

Điều 32. Mẫu con dấu của tổ chức tư nhân

Đường kính: 32mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Loại hình hoạt động của tổ chức tư nhân;

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cấp xã kèm theo tên cấp tỉnh;

Giữa con dấu: Tên tổ chức sử dụng con dấu.



Mẫu số 91

Điều 33. Mẫu con dấu của tổ chức trực thuộc tổ chức tư nhân

Đường kính: 30mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Loại hình hoạt động của tổ chức;

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cấp xã kèm theo tên cấp tỉnh;

Giữa con dấu: Tên tổ chức sử dụng con dấu.



Mẫu số 92

Mục 9

MẪU CON DẤU CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC TRONG CÔNG AN NHÂN DÂN

Điều 34. Mẫu con dấu có hình Công an hiệu

1. Con dấu của cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Công an

a) Con dấu của Bộ tư lệnh, văn phòng, thanh tra, cục, cơ quan An ninh điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra

Đường kính: 36mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Bộ Công an;

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cơ quan, đơn vị sử dụng con dấu;

Giữa con dấu: Hình Công an hiệu.



Mẫu số 93

b) Con dấu của các Học viện, các trường Công an nhân dân

Đường kính: 36mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Bộ Công an;

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cơ quan, đơn vị sử dụng con dấu;

Giữa con dấu: Hình Công an hiệu.



Mẫu số 94

2. Con dấu của cơ quan, đơn vị thuộc tổ chức bộ máy của cục hoặc tương đương

a) Con dấu của cơ quan, đơn vị do một cấp quản lý

Đường kính: 34mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Tên cơ quan quản lý trực tiếp;

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cơ quan, đơn vị sử dụng con dấu;

Giữa con dấu: Hình Công an hiệu.



Mẫu số 95

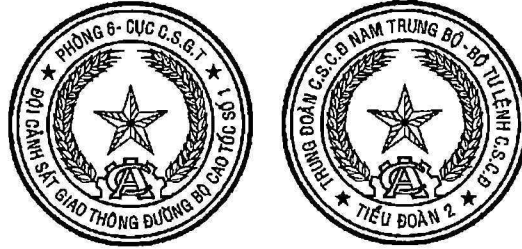
b) Con dấu của cơ quan, đơn vị do hai cấp quản lý

Đường kính: 32mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Tên cơ quan quản lý trực tiếp kèm theo tên cơ quan cấp trên quản lý;

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cơ quan, đơn vị sử dụng con dấu;

Giữa con dấu: Hình Công an hiệu.



Mẫu số 96

3. Con dấu của Công an cấp tỉnh

Đường kính: 36mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Cộng hòa X.H.C.N Việt Nam;

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên Công an cấp tỉnh;

Giữa con dấu: Hình Công an hiệu.



Mẫu số 97

4. Con dấu của cơ quan, đơn vị thuộc tổ chức bộ máy của Công an cấp tỉnh; cơ quan An ninh điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh

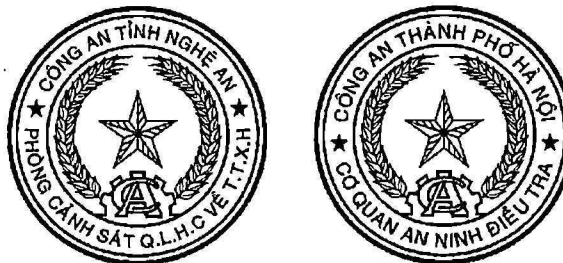
a) Con dấu của cơ quan, đơn vị do một cấp quản lý

Đường kính: 34mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Tên Công an cấp tỉnh;

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cơ quan, đơn vị sử dụng con dấu;

Giữa con dấu: Hình Công an hiệu.



Mẫu số 98

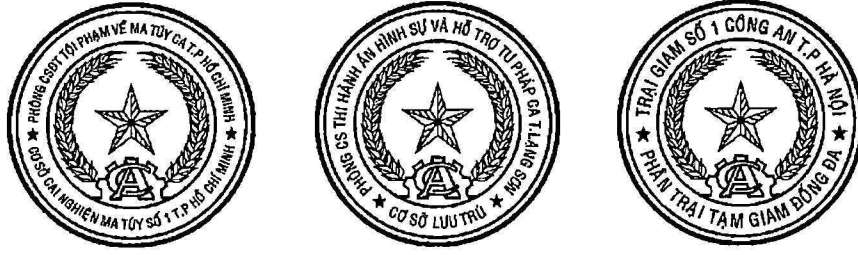
b) Con dấu của cơ quan, đơn vị do hai cấp quản lý

Đường kính: 32mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Tên cơ quan quản lý trực tiếp kèm theo tên cơ quan cấp trên quản lý;

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cơ quan, đơn vị sử dụng con dấu;

Giữa con dấu: Hình Công an hiệu.



Mẫu số 99

5. Con dấu của Công an cấp xã

Đường kính: 34mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Tên Công an cấp tỉnh;

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên Công an cấp xã;

Giữa con dấu: Hình Công an hiệu.



Mẫu số 100

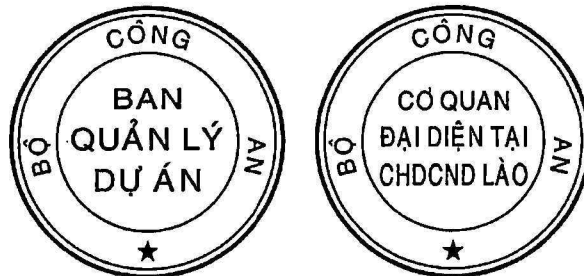
Điều 35. Mẫu con dấu không có hình Công an hiệu

1. Con dấu của tổ chức trực thuộc Bộ Công an

Đường kính: 36mm;

Xung quanh vành ngoài con dấu: Bộ Công an;

Giữa con dấu: Tên tổ chức sử dụng con dấu.



Mẫu số 101

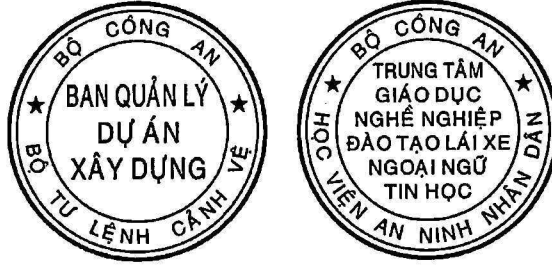
2. Con dấu của tổ chức trực thuộc cơ quan, đơn vị do Bộ Công an quản lý

Đường kính: 34mm;

Xung quanh vành ngoài phía trên con dấu: Bộ Công an;

Xung quanh vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cơ quan quản lý trực tiếp;

Giữa con dấu: Tên tổ chức sử dụng con dấu.



Mẫu số 102

3. Con dấu của tổ chức trực thuộc cơ quan, đơn vị do Cục hoặc tương đương quản lý

Đường kính: 32mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Tên cơ quan trực thuộc Bộ Công an;

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp;

Giữa con dấu: Tên tổ chức sử dụng con dấu.



Mẫu số 103

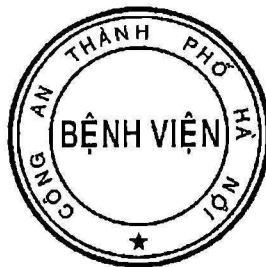
4. Con dấu của tổ chức trực thuộc Công an cấp tỉnh

a) Con dấu của tổ chức do một cấp quản lý

Đường kính: 34mm;

Xung quanh vành ngoài con dấu: Tên Công an cấp tỉnh;

Giữa con dấu: Tên tổ chức sử dụng con dấu.



Mẫu số 104

b) Con dấu của tổ chức do hai cấp quản lý

Đường kính: 32mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Tên Công an cấp tỉnh;

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp;

Giữa con dấu: Tên tổ chức sử dụng con dấu.



Mẫu số 105

Mục 10

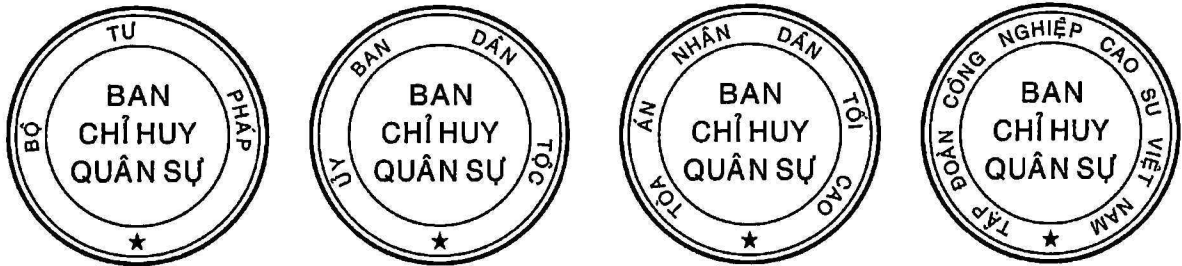
**MẪU CON DẤU CỦA BAN CHỈ HUY QUÂN SỰ BỘ, NGÀNH
TRUNG ƯƠNG; TỔ CHỨC CHỈ HUY QUÂN SỰ CƠ SỞ**

Điều 36. Mẫu con dấu của Ban chỉ huy quân sự bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ban Đảng ở trung ương, Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước, Kiểm toán nhà nước, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội, tập đoàn kinh tế, tổng công ty

Đường kính: 34mm;

Vành ngoài con dấu: Tên bộ, ban, ngành trung ương, tập đoàn kinh tế, tổng công ty;

Giữa con dấu: Ban chỉ huy quân sự.



Mẫu số 106

Điều 37. Mẫu con dấu của Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở cơ sở

1. Con dấu của Ban chỉ huy quân sự sở, ban, ngành, đoàn thể thuộc tỉnh, thành phố hoặc Ban chỉ huy quân sự của cơ quan trực thuộc Bộ, ngành ở trung ương

Đường kính: 32mm;

Vành ngoài con dấu: Tên sở, ban ngành, đoàn thể kèm theo tên tỉnh, thành phố hoặc tên cơ quan trực thuộc Bộ, ngành ở trung ương kèm theo tên Bộ, ngành ở trung ương;

Giữa con dấu: Ban chỉ huy quân sự.



Mẫu số 107

2. Con dấu của Ban chỉ huy quân sự các doanh nghiệp trực thuộc tập đoàn, tổng công ty

Đường kính: 32 mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Tên doanh nghiệp kèm theo tên tập đoàn hoặc tổng công ty;

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cấp tỉnh;

Giữa con dấu: Ban chỉ huy quân sự.



Mẫu số 108

3. Con dấu của Ban chỉ huy quân sự các doanh nghiệp hoạt động độc lập

Đường kính: 32 mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Tên doanh nghiệp;

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cấp tỉnh;

Giữa con dấu: Ban chỉ huy quân sự.



Mẫu số 109

Mục 11

MẪU CON DẤU CỦA TỔ CHỨC PHỤ TRÁCH BẦU CỬ Ở ĐỊA PHƯƠNG

Điều 38. Mẫu con dấu của Ủy ban bầu cử

1. Con dấu của Ủy ban bầu cử cấp tỉnh

Đường kính: 38mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Cộng hòa X.H.C.N Việt Nam;

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cấp tỉnh;

Giữa con dấu: Ủy ban bầu cử.



Mẫu số 110

2. Con dấu của Ủy ban bầu cử cấp xã

Đường kính: 36mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Cộng hòa X.H.C.N Việt Nam;

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cấp tỉnh;

Giữa con dấu: Tên Ủy ban bầu cử cấp xã.



Mẫu số 111

Điều 39. Mẫu con dấu của Ban bầu cử

1. Con dấu của Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

Đường kính: 36mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Cộng hòa X.H.C.N Việt Nam;

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cấp tỉnh;

Giữa con dấu: Tên đơn vị sử dụng con dấu.



Mẫu số 112

2. Con dấu của Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã

Đường kính: 34mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Cộng hòa X.H.C.N Việt Nam;

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cấp xã kèm theo tên cấp tỉnh;

Giữa con dấu: Tên đơn vị sử dụng con dấu.



Mẫu số 113

Điều 40. Mẫu con dấu của Tổ bầu cử

Đường kính: 34mm;

Vành ngoài phía trên con dấu: Cộng hòa X.H.C.N Việt Nam;

Vành ngoài phía dưới con dấu: Tên cấp xã kèm theo tên cấp tỉnh;

Giữa con dấu: Tên đơn vị sử dụng con dấu.



Mẫu số 114

Mục 12

MẪU CON DẤU CỦA TRỤ SỞ TIẾP CÔNG DÂN

Điều 41. Mẫu con dấu của Trụ sở Tiếp công dân trung ương

Đường kính: 36mm;

Xung quanh vành ngoài con dấu: Trụ sở Tiếp công dân trung ương;

Giữa con dấu: Tiếp công dân tại thành phố Hà Nội hoặc Tiếp công dân tại thành phố Hồ Chí Minh.



Mẫu số 115

Điều 42. Mẫu con dấu của Trụ sở Tiếp công dân cấp tỉnh

Đường kính: 34mm;

Xung quanh vành ngoài con dấu: Tên Trụ sở Tiếp công dân cấp tỉnh;

Giữa con dấu: Tiếp công dân.



Mẫu số 116

Mục 13

MẪU CON DẤU CỦA TỔ CHỨC TÔN GIÁO

Điều 43. Mẫu con dấu của tổ chức tôn giáo

1. Tổ chức tôn giáo tự quyết định về mẫu con dấu, con dấu có hình biểu tượng hoặc không có hình biểu tượng của tổ chức mình.

2. Mẫu con dấu của các tổ chức tôn giáo thực hiện theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 6 Điều 5 Thông tư này.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 44. Hiệu lực thi hành và quy định chuyển tiếp

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Thông tư số 44/2017/TT-BCA ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về mẫu con dấu của cơ quan, tổ chức và chức danh nhà nước.

2. Con dấu của các cơ quan, tổ chức và chức danh nhà nước đã đăng ký và sử dụng trước khi Thông tư này có hiệu lực thi hành nhưng không có sự thay đổi về mẫu con dấu theo quy định tại Thông tư này thì tiếp tục có giá trị sử dụng.

3. Thông tư không đăng tải trên Cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử, phương tiện thông tin đại chúng.

Điều 45. Trách nhiệm thi hành

1. Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc thực hiện quy định tại Thông tư này; hướng dẫn áp dụng mẫu con dấu cho các cơ quan, tổ chức đã được cơ quan có thẩm quyền thành lập và cho phép sử dụng con dấu.

2. Công an tỉnh, thành phố có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp tổ chức thực hiện quy định tại Thông tư này.

3. Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Phòng Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội Công an tỉnh, thành phố có trách nhiệm kiểm tra, rà soát, thống kê con dấu của các cơ quan, tổ chức, chức danh nhà nước thuộc diện phải đăng ký lại mẫu con dấu; cấp, đổi, cấp lại giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu theo quy định.

4. Thủ trưởng đơn vị thuộc cơ quan Bộ, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội) để kịp thời hướng dẫn. /

Nơi nhận:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Trung ương các tổ chức chính trị - xã hội;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ;
- Công an các tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, C06 (P2).

BỘ TRƯỞNG

Alman

Đại tướng Lương Tam Quang